

Bản án số: 314/2023/HS-PT

Ngày 11 tháng 5 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 162/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/10/1987; giới tính: Nam; ĐKNKTT và trú tại: Cụm N, xã DT, huyện TT, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Hữu D và bà Lê Thị T1; tình trạng hôn nhân: Có vợ là Phùng Thị Mai P và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Văn T2 và Luật sư An Văn D1, Văn phòng Luật sư ATK, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Luật sư T2 vắng mặt, Luật sư D1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2022, khi tham dự đám cưới tại xã DT, huyện TT, thành phố Hà Nội, do uống rượu say nên Nguyễn Danh T3 (*sinh năm 1991; trú tại: Đội M, xã ĐA, huyện TT, thành phố Hà Nội*) đã đổ rượu vào người Đỗ Văn C dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Sau đó, giữa C và T3 đã nhiều lần gọi điện

chửi bới, thách thức hẹn đánh nhau. Cũng trong thời gian này, thông qua nhóm “*Hội súng tự chế*” trên mạng xã hội Facebook, C đã đặt mua của đối tượng không quen 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 dài 82cm, đã cưa nòng, có báng súng và ốp lót tay bằng gỗ với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, C gói súng trong một ống quần dài màu đen và giấu ở giá bếp trong phòng trọ của C thuê tại cụm N, xã DT, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Khoảng 19 giờ ngày 02/4/2022, C gọi điện cho bạn là Nguyễn Hữu T (*Lái xe taxi của hãng xe 25 TT*), bảo đến đón C ở khu vực đê XD, xã NS, huyện TT. T đồng ý và điều khiển xe ô tô taxi hiệu Hyundai I10 màu bạc, Biển kiểm soát 30F-127.08 đến đón C tại điểm hẹn. Trên đường đi, C gọi điện rủ Hoàng Đình H đến quán bia “BR” của Nguyễn Bá B ở thôn PM, xã MH, huyện TO để uống rượu thì H đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T lái xe taxi chở C và H đến quán bia “BR” ngồi uống rượu; còn Thọ không uống mà điều khiển xe ô tô đi chở khách. Quá trình ngồi uống rượu tại tầng 02 của quán, C kể cho H và B biết việc giữa C và T3 xảy ra mâu thuẫn. C nói: “*Thời gian gần đây, T3 cho người ném gạch đá, mắm tôm và dầu lυν vào nhà C ở thôn ĐN, xã KH, huyện TT, Hà Nội*” nên C rất bức xúc. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi ngồi uống rượu, C nhận được điện thoại của T3 gọi vào số điện thoại 0862261386 của C chửi bới với nội dung: “*Con chó mày ở đâu để các bố mày đến giải quyết*”; C nói: “*Thôi mày ở đâu không phải lên để tao đến gặp mày*”. Sau đó, C tiếp tục ngồi uống rượu với H và B. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi uống rượu xong, C nói với H và B: “*Em đi giải quyết việc bên TT, anh đi cùng em*”; B và H đồng ý. C gọi điện cho T lái xe ô tô quay lại quán đón cả 03 đi về khu vực cầu Đ thuộc xã KH, huyện TT. Khi lên xe taxi, H ngồi ghế phụ cạnh ghế lái, B ngồi ghế sau bên phụ, C ngồi phía sau ghế lái gọi điện cho Nguyễn Văn P1 nói: “*Mày đang ở đâu, về phòng trọ lấy khẩu súng quần trong ống quần dài màu đen để trên giá bếp rồi mang ra cầu Đ cho anh*”; P1 đồng ý. Sau đó, C gọi điện cho T3 chửi bới, thách thức hẹn đến khu vực cổng làng ĐA, xã ĐA, huyện TT để giải quyết mâu thuẫn.

Sau khi nhận được điện thoại, P1 đến phòng trọ của C ở Cụm N, thôn PA, xã DT, huyện TT lấy 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 đã bị cưa nòng dài 82cm quần trong ống quần vải màu đen; P1 rủ Nguyễn Minh H1 (*là em họ của C*) điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh, không biển kiểm soát chở P1 mang khẩu súng đến khu vực cầu Đ, xã KH, huyện TT đưa cho C. Khi đến nơi, không thấy C nên P1 gọi điện thì C bảo P1 đi đến khu vực cổng làng xã ĐA, huyện TT để kiểm tra xem có nhóm T3 ở đấy không? P1 đưa lại khẩu súng cho H1 cầm đứng đợi ở cầu Đ rồi một mình điều khiển xe mô tô đến khu vực cổng làng xã ĐA, TT nhưng không thấy nhóm của T3 nên quay lại.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, T lái xe Taxi chở C, H và B đến gần khu vực cầu Đ gặp P1 và H1. C mở cửa xe ô tô đi ra chỗ H1 và P1, thì H1 đưa khẩu súng được quần trong quần vải màu đen cho C mang lên xe ô tô, C đưa lại cho H giữ. Sau đó, C bảo P1 và H1 điều khiển xe máy đi trước lên phía cổng làng ĐA, huyện TT để kiểm tra xem nhóm của T3 đến chưa, còn T lái xe Taxi chở nhóm C đi theo sau. Khi T chở C, H và B đến khu vực cổng làng ĐA nhưng không

thấy nhóm T3 nên C bảo P1 và H1 đi về. C bảo T lái xe ô tô quay về nhà C ở thôn ĐN, xã KH, huyện TT để tìm nhóm T3. Khi đến khu vực ngã tư thôn ĐN, C và B xuống xe ô tô, H đưa lại khẩu súng được bọc trong ống quần vải màu đen cho C giữ; T lái xe chở H về nhà. Khoảng 15 phút sau, T lại lái xe chở H quay lại khu vực ngã tư thôn ĐN đón C và B lên xe ô tô. Khi lên xe ô tô, C nhận được điện thoại của T3 hỏi C đang ở đâu thì C nói: “*Bố mày có gặp các con chó đâu?*” và hẹn T3 ở cổng làng ĐA để giải quyết mâu thuẫn. Trên xe ô tô, C lại đưa khẩu súng cho H ngồi bên ghế phụ, còn C và Bá B ngồi ghế sau. Khi T lái xe chở C, H và B đi đến gần khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TT, Hà Nội thì nhìn thấy một nhóm gồm anh Nguyễn Văn T4, anh Cao Hùng D2, anh Tô Xuân Q (sinh ngày 11/10/2003; trú tại: Thôn KV, xã KH, huyện TT, thành phố Hà Nội); anh Nguyễn Đức D3, sinh ngày 20/4/1999; anh Lê Văn T5, sinh ngày 05/11/2001; anh Lê Văn H2, sinh ngày 02/7/2007 (cùng trú tại: Thôn ĐN, xã KH, huyện TT, thành phố Hà Nội); anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh ngày 20/11/2005; anh Nguyễn Thành D4, sinh ngày 02/6/2004 (cùng trú tại: Thôn VT, xã ĐA, huyện TT, thành phố Hà Nội); anh Hoàng Tuấn T6, sinh ngày 29/6/2005; anh Nguyễn Viết T7, sinh ngày 22/3/2003 và anh Trần Đình H3, sinh ngày 27/7/2004 (cùng trú tại: Thôn LT, xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội); anh Lê Vũ C1 sinh năm 2002; (trú tại: Tổ N, cụm H, phường KĐ, quận TX) đang đứng nói chuyện ở khu vực bên phải đường liên xã KH. C tưởng nhóm người trên là nhóm của T3 nên yêu cầu T đi chậm lại quan sát, đầu xe hướng về phía Ủy ban nhân dân xã KH. C và H bảo T lái xe ô tô cách nhóm của anh T4, anh D khoảng 08-10m thì dừng lại. H ngồi cạnh ghế lái quay xuống hỏi lại C và B: “*Không biết có phải bọn này không?*”; C nói: “*Chắc là bọn nó đấy*”; B nói với C và H: “*Xem có phải bọn nó không, nhằm thì chết!*”. Lúc này, H ngồi bên ghế phụ, lấy khẩu súng dưới chân đưa lên sát cửa xe ô tô, tay phải cầm báng súng, tay trái giữ ốp lót tay đưa nòng súng ra ngoài cửa xe ô tô hướng về phía nhóm anh T4, anh D2 đang đứng ở khu vực bên phải đường liên xã KH bắn 01 phát, súng nổ làm ốp lót tay bằng gỗ bung ra khỏi khẩu súng rơi xuống đường. Hậu quả: Anh Nguyễn Văn T4 bị trúng đạn với 57 vết thương trên cơ thể, nằm rải rác ở tứ chi, bụng phải, nếp lằn bẹn phải, mông phải; anh Cao Hùng D2 bị trúng đạn, có 05 vết thương nằm rải rác ở vùng má trái, cổ bên trái, vùng dưới xương đòn phải, bàn tay phải. Sau đó, anh T4 và anh D2 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Hữu nghị VĐ, sau chuyển về Bệnh viện Đa khoa NN I, Bệnh viện Q để tiếp tục điều trị.

Sau khi H bắn xong, C bảo T lái xe bỏ chạy về phía Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện TT. Khi đi qua Ủy ban nhân dân xã KH khoảng 100m, C lại bảo T lái xe quay lại kiểm tra xem có ai trong nhóm thanh niên bị trúng đạn không rồi chở nhóm C về nhà B tại thôn PM, xã MH, huyện TO, Hà Nội để cất khẩu súng. Khi đến nhà B, C và B xuống xe ô tô, C đưa cho B khẩu súng để mang lên tầng 4 cất giấu. C bảo T chở nhóm C đến nhà nghỉ BA thuộc xã TT, huyện TO, Hà Nội để ngủ; sau đó, T lái xe taxi đi về nhà. Khoảng 03 giờ ngày 03/4/2022, C và H biết anh T4 và anh D2 trúng đạn bị thương nên đã bỏ trốn. Ngày 03/4/2022, P1 và H1 đến Công an huyện TT đầu thú. Cùng ngày 03/4/2022, T bị bắt trong

trường hợp khẩn cấp. Ngày 09/4/2022, B bị bắt tạm giam. Ngày 29/8/2022, C đến Công an huyện TT đầu thú, H đến Công an quận Bắc Từ Liêm đầu thú.

Sau khi xảy ra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng và điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 23 giờ 50 phút ngày 02/4/2022 tại đường liên xã KH đoạn gần Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TT, Hà Nội thể hiện: “... Hiện trường được xác định vụ việc xảy ra nằm trên mặt đường liên xã KH, mặt đường rộng 7,5m được trải nhựa; ...trên mặt đường có đám chất màu nâu đỏ nghi máu dạng nhỏ giọt nằm rải rác kéo dài trong tổng diện (0,10x06)m; 01 mảnh gỗ màu nâu, mặt ngoài nhẵn bóng dài 22cm, có 01 đầu to có kích thước (04x3,5)cm, đầu nhỏ kích thước (04x1,5)cm, mặt trong mảnh gỗ có phần rãnh đục, đáy rãnh có 02 lỗ hình xoáy ốc, 02 lỗ ốc cách nhau 7,8cm; từ vị trí 02 lỗ chân ốc này dọc theo phần rãnh đục mảnh gỗ bị vỡ thành 02 mảnh còn dính với nhau; 01 mảnh kim loại tối màu dài 12,8cm đầu to kích thước (2,8x2,8)cm, đầu nhỏ kích thước (1,6x0,3)cm; trên thanh kim loại có gắn 02 con ốc vít, các con ốc cách nhau 7,8cm”.

Quá trình khám nghiệm hiện trường và điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và đồ vật, tài sản liên quan gồm: “Thu giữ tại hiện trường 01 mảnh gỗ màu nâu, mặt ngoài nhẵn bóng dài 22cm, có 01 đầu to kích thước (4x3,5)cm và đầu nhỏ kích thước (4x1,5)cm mặt trong mảnh gỗ có phần rãnh đục, mảnh gỗ bị vỡ thành 02 mảnh còn dính với nhau; 01 mảnh kim loại tối màu dài 12,8cm đầu to kích thước (2,8x2,8)cm đầu nhỏ kích thước (1,6x0,3)cm, trên thanh kim loại có gắn 02 con ốc vít. Thu giữ tại tầng 4 khu vực bể nước khi khám xét nhà của Nguyễn Bá B 01 quần vải dài màu đen và 01 khẩu súng dài 82cm, báng gỗ dài khoảng 40cm, nòng súng bằng kim loại màu đen dài khoảng 45cm. Thu giữ của Nguyễn Văn P1 01 điện thoại di động iPhone 6S màu xám đã qua sử dụng, số iMei 355397085117266, lắp sim số 0867090524. Thu giữ của Nguyễn Minh H1 01 điện thoại di động iPhone 6Plus, màu vàng đã qua sử dụng, số iMei 355730074828735, lắp sim số 0877321767. Thu giữ của Nguyễn Hữu T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M02 đã qua sử dụng, số iMei1 là 350711261031353, số iMei2 là 356613221031354, lắp sim số 0986628299 và 01 chiếc xe ô tô Hyundai i10 màu bạc, biển kiểm soát 30F-127.08, số khung RLUG7S1DAJN012643, số máy G4LAHM716882. Thu giữ của bà Nguyễn Thị C1 (Sinh năm 1978; là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T4) 05 mảnh kim loại được gấp ra từ cơ thể anh Nguyễn Văn T4 khi phẫu thuật. Thu giữ của anh Cao Hùng D2 03 mảnh kim loại được gấp ra từ cơ thể anh D2 khi phẫu thuật”.

Tại Kết luận giám định số 2111/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với thương tích của anh Nguyễn Văn T4 kết luận: “... Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa, xác định trên cơ thể của anh Nguyễn Văn T4 có 57 vết thương đang liền sẹo, tính chất tương tự nhau, rải rác ở tứ chi, bụng phải, nếp lằn bẹn phải, mông phải; XQ có

hình ảnh dị vật dạng kim loại vùng tay chân hai bên; hiện tại anh Nguyễn Văn T4 đang được theo dõi và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa NN. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T4 tại thời điểm giám định tối thiểu là 24%. Do anh Nguyễn Văn T4 đang được theo dõi và điều trị tại bệnh viện nên chưa tiến hành làm các xét nghiệm cần thiết. Vì vậy, chưa đánh giá được đầy đủ các tổn thương và di chứng chấn thương (nếu có). Đề nghị Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung thương tích sau khi điều trị ổn định, ra viện. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương trên cơ thể của anh Nguyễn Văn T4 có đặc điểm tổn thương do đạn ghém gây ra”.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 6091/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với thương tích của anh Nguyễn Văn T4 kết luận: “... 57 sẹo kích thước nhỏ, các sẹo có tính chất tương tự nhau rải rác tại vùng bụng phải, nếp lằn bẹn phải, mông và hông phải, tứ chi: 20 sẹo đầu mỗi sẹo 01%; 35 sẹo tiếp theo cứ 05 sẹo 01%; 02 sẹo còn lại 0,4%; 39 dị vật phần mềm rải rác tại vùng bụng, khung chậu, tay phải, hai chân: 10%; Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Tú tại thời điểm giám định bổ sung là 32%. Các tổn thương trên cơ thể anh T4 có đặc điểm tổn thương do đạn ghém gây ra”.

Tại Bản Kết luận giám định số 2112/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với thương tích của anh Cao Hùng D2 kết luận: “... Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa, xác định trên cơ thể của anh Cao Hùng D2 có 05 vết thương đang liền sẹo, tính chất tương tự nhau, rải rác ở vùng má trái, cổ bên trái, vùng dưới xương đòn phải, bàn tay phải; XQ bàn tay phải có hình ảnh dị vật dạng kim loại; hiện tại anh Cao Hùng D2 đang được theo dõi và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa NN. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Cao Hùng D2 tại thời điểm giám định tối thiểu là 05%. Do anh Cao Hùng D2 đang được theo dõi và điều trị tại bệnh viện, nên chưa tiến hành làm các xét nghiệm cần thiết. Vì vậy, chưa đánh giá được đầy đủ các tổn thương và di chứng chấn thương (nếu có). Đề nghị Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung thương tích sau khi anh T4 điều trị ổn định, ra viện. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương trên cơ thể của anh Cao Hùng D2 có đặc điểm tổn thương do đạn ghém gây ra”.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 6090/KL-KTHS ngày 22/9/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với thương tích của anh Cao Hùng D2 kết luận: “... Sẹo vùng má trái, kích thước nhỏ: 03%; Sẹo vùng cổ bên trái, kích thước nhỏ: 02%; 05 sẹo vùng ngực trái và bàn tay phải, kích thước nhỏ: Mỗi sẹo 01%; 03 dị vật phần mềm tại vùng má trái, cổ bên trái, bàn tay phải: 03%. Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh D2 tại thời điểm giám định bổ sung là 12%. Các tổn thương trên cơ thể anh D2 có đặc điểm tổn thương do đạn ghém gây ra”.

Tại Kết luận giám định số 2117/KL-KTHS ngày 20/4/2022 của Viện

Khoa học hình sự BCA kết luận: “... *Khẩu súng gửi giám định là súng bắn đạn ghém cỡ 12 đã bị cưa ngắn nòng, thuộc vũ khí quân dụng, hiện tại súng còn sử dụng để bắn được; khi sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn đạn vào cơ thể người ở khoảng cách từ 03m đến 15m gây chết hoặc bị thương; 01 vỏ đạn gửi giám định là vỏ của loại đạn ghém tự chế cỡ 12, thuộc đạn súng săn, không phải vũ khí quân dụng*”.

Tại Kết luận giám định số 6707/KL-KTHS ngày 11/10/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với dấu vết đường vân trên khẩu súng bắn đạn ghém gửi giám định kết luận: “... *Trên 01 khẩu súng gửi đến giám định phát hiện thấy một số dấu vết đường vân; các dấu vết này mờ, nhòe, không đủ yếu tố giám định*”.

Tại Kết luận giám định số 4176/KL-KTHS ngày 12/7/2022 của Viện Khoa học hình sự BCA đối với 05 mảnh kim loại lấy ra từ cơ thể anh Nguyễn Văn T4 và 03 mảnh kim loại lấy ra từ cơ thể anh Cao Hùng D2, kết luận: “... *08 mẫu kim loại gửi giám định là các viên bi thường được nhồi (đóng) trong nòng súng kíp, trong đạn ghém các cỡ 32, 28, 24, 20, 16 và 12, không phải vũ khí quân dụng. Đạn ghém các cỡ 32, 28, 24, 20, 16 và 12 sử dụng lắp, bắn được cho các loại súng bắn đạn ghém cỡ 32, 28, 24, 20, 16 và 12. Hiện tại, dấu vết trên 08 mẫu kim loại không đủ yếu tố để xác định khẩu súng đã bắn ra*”.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa làm rõ được đối tượng đã bán khẩu súng cho C. Ngày 25/11/2022, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu T 09 (Chín) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Văn C, Nguyễn Bá B, Hoàng Đình H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Văn P1, quyết định về biện pháp tư pháp, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2023, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt tù cho bị cáo với các lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân chưa tiền án, tiền sự, đồng phạm với vai trò hạn chế, bị cáo có tác động đến gia đình để bồi thường cho hai người bị hại và được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo; về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 với vai trò là đồng phạm giúp sức là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo giao nộp một số tài liệu giảm nhẹ hình phạt mới thể hiện bị cáo đã bồi thường đủ cho hai người bị hại và được anh Nguyễn Văn T4, anh Cao Hùng D2 có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo cũng được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giảm cho bị cáo T từ 01 đến 02 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng pháp luật. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo xuống mức án thấp nhất có thể, với lý do bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, vai trò không đáng kể trong vụ án, chỉ có hành vi lái xe taxi chở các bị cáo khác đến địa điểm theo yêu cầu, mức độ thực hiện hành vi hết sức hạn chế, không trực tiếp gây ra thương tích cho người bị hại, phạm tội không có tính chất côn đồ do không được bàn bạc trước, không được lên kế hoạch; bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, gia đình hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án là Đỗ Văn C, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Văn P1; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định, kết quả nhận dạng qua ảnh và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do có sự mâu thuẫn từ trước giữa Đỗ Văn C và Nguyễn Danh T3 thường chửi bới, thách thức nhau. C thông qua mạng xã

hội đã đặt mua 01 khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 đã cưa nòng của một đối tượng không quen mang về cất giấu trên giá bếp tại phòng trọ của C. Khoảng 19 giờ ngày 02/4/2022, C gọi điện bảo Nguyễn Hữu T đến đón C; C rủ Hoàng Đình H cùng đến quán bia “BR” của Nguyễn Bá B ở thôn PM, xã MH, huyện TO để uống rượu. Quá trình ngồi uống rượu tại tầng 02 của quán, C kể cho H và B biết việc mâu thuẫn giữa C và T3. Lúc này T không cùng ngồi uống rượu với C và H. Giữa C và T3 tiếp tục mâu thuẫn và thách thức nhau. C gọi điện cho Nguyễn Hữu T lái xe ô tô quay lại quán đón cả 03 đi về khu vực cầu Đ thuộc xã KH, huyện TT. C tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Văn P1 nhờ P1 lấy khẩu súng mang ra khu vực đã hẹn với nhóm T3 để đánh nhau. P1 đồng ý và rủ thêm Nguyễn Minh H1 cùng đi xe máy mang súng đến điểm hẹn giao cho C. Nguyễn Hữu T lái xe taxi chở nhóm C theo sau. Sau đó, C cầm súng mang lên xe ô tô đưa cho H giữ. Khi T chở C, H và B đến khu vực cổng làng ĐA nhưng không thấy nhóm T3 nên C bảo P1 và H1 đi về. C bảo T lái xe ô tô quay về nhà C ở thôn ĐN, xã KH, huyện TT để tìm nhóm T3. Sau đó, khoảng 23 giờ ngày 02/4/2022, khi Hữu T lái xe chở C, H và B đi đến gần khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TT thì nhìn thấy nhóm của anh Nguyễn Văn T4, anh Cao Hùng D2, anh Tô Xuân Q, anh Nguyễn Đức D3, anh Lê Văn H2, anh Nguyễn Thành D4, anh Hoàng Tuấn T6, anh Lê Vũ C1, anh Lê Văn T5, anh Nguyễn Viết T7, anh Nguyễn Mạnh Đ và anh Trần Đình H3 cùng một vài người khác nữa đang đứng nói chuyện ở bên phải đường liên xã KH. Cho rằng đó là nhóm của T3 nên C yêu cầu T điều khiển xe ô tô đi chậm qua, cách nhóm của anh T4, anh D2 khoảng 08-10m thì dừng lại. Lúc này, H ngồi ghế trên bên phụ, lấy khẩu súng dưới chân đưa lên sát cửa xe ô tô, tay phải cầm báng súng, tay trái giữ ốp lót tay đưa nòng súng ra ngoài cửa xe ô tô hướng về phía nhóm anh T4, anh D2 đang đứng ở khu vực bên phải đường liên xã KH bóp cò, súng nổ 01 phát làm ốp lót tay bằng gỗ bung ra khỏi khẩu súng rơi xuống đường. Sau khi H nổ súng, T lái xe ô tô chở C, H, B đi tiếp khoảng 01 km thì quay lại xem có ai làm sao không. Hậu quả làm anh Nguyễn Văn T4 bị trúng 57 vết đạn trên cơ thể, nằm rải rác ở tứ chi, bụng phải, nếp lằn bẹn phải, mông phải, và được giám định tổn hại 32% sức khỏe; anh Cao Hùng D2 bị trúng 05 vết đạn trên cơ thể, nằm rải rác ở vùng má trái, cổ trái, vùng dưới xương đòn phải, bàn tay phải và được giám định tổn hại 12% sức khỏe.

Với hành vi giúp sức, hỗ trợ trong việc đón, đưa các bị cáo khác là C, H, B, P1, H1 đến và đi tại các vị trí gây án thì hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đủ để cấu thành tội “Giết người” với vai trò đồng phạm, có tính chất côn đồ theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu T là đồng phạm, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm sức khỏe, đe dọa tính mạng của người khác trái pháp luật; gây tổn thất về thể chất và tinh thần của người khác. Bị cáo T mặc dù không có mâu thuẫn với những người bị hại, bản thân là người lái xe taxi nhưng đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp đón, chở các bị cáo khác để đi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T đã tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện tội phạm. Hành vi của

bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm có cân nhắc xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, nên đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

[4.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hữu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu, hành vi có mức độ thấp, phạm tội chưa đạt (người bị hại là anh T4 bị tổn hại sức khỏe là 32%, anh D2 bị thiệt hại sức khỏe là 12%) nên áp dụng Điều 54, khoản 3 Điều 57 để quyết định hình phạt đối với bị cáo không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình Giấy xác nhận của anh Nguyễn Văn T4 thể hiện anh T4 đã nhận của gia đình bị cáo (thông qua chị Phùng Thị Mai P là vợ bị cáo T) 14.500.000 đồng; Giấy xác nhận của anh Cao Hùng D2 thể hiện anh D2 đã nhận của gia đình bị cáo (thông qua chị Phùng Thị Mai P) 10.000.000 đồng. Ngoài ra, người bị hại là anh T4, anh D2 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo với lý do anh T chỉ là lái xe taxi chở các bị cáo khác, giữa bị cáo T và bị hại không có mâu thuẫn. Quá trình điều tra vụ án bị hại nhận thấy bị cáo T đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi của mình và đã tích cực khai báo, hợp tác cơ quan điều tra giải quyết vụ án.

[4.3] Như vậy, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại (phần trách nhiệm dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo T phải chịu: đối với anh T4 là 14.500.000 đồng, đối với anh D2 là 5.500.000 đồng) nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ cho anh T4 là 14.500.000 đồng, bồi thường cho anh D2 là 10.000.000 đồng (cao hơn mức Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm) và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, theo xác nhận của chính quyền địa phương nơi gia đình bị cáo cư trú thì bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ bị cáo là người cao tuổi sức khỏe yếu.

[4.4] Việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho hai bị hại là anh D2, anh T4 và tự nguyện bồi thường thêm cho anh D2 là thể hiện thái độ chấp hành một phần bản án hình sự sơ thẩm. Do đó, có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và ý kiến của Luật sư.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T được chấp nhận nên

không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu T 07 (Bảy) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2022.

2. Án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu: HSVA, VP, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm